TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuỷ và ông Cao Văn Truyện.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Phương Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 423/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 42/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L - Sinh năm: 1984, địa chỉ: Số E đường N, phường L, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049184009198, cấp ngày: 12/12/2024. Đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Lê Xuân T – Sinh năm: 1992, địa chỉ: Số C đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 064092005634, cấp ngày: 15/4/2022 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Vương Thị H - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Số K đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 038186033214 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng ngày 31 tháng 10 năm 2025, bản tự khai ngày 02 tháng 4 năm 2026 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở quen biết nhau thông qua việc đóng góp biêu hụi nên bà Phạm Thị L có cho bà Vương Thị H mượn 02 lần tiền cụ thể như sau:

- Ngày 08/8/2024 bà L cho bà H mượn số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn mượn từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/8/2025, mỗi tháng trả 20.000.000đ.

- Ngày 12/10/2024, bà L cho bà H mượn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), không xác định thời hạn thanh toán, không tính lãi.

Mỗi lần mượn tiền, bà Vương Thị H đều viết giấy mượn tiền cho bà Phạm Thị L. Tuy nhiên, bà H đã không trả nợ như đã hứa, bà L đã nhiều lần liên hệ nhưng bà H vẫn chây ì không chịu thanh toán.

Do vậy, bà Phạm Thị L khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Vương Thị H phải trả nợ tổng số tiền đã mượn là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Vương Thị H đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Áp dụng các Điều 117, 119, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay là 270.000.000đ *(hai trăm bảy mươi triệu đồng)*.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Vương Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Phạm Thị L trình bày cho bà Vương Thị H mượn 02 lần tiền với tổng số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 08/8/2025, bà L đã giao tiền nhưng khi hết hạn cho đến nay bà H vẫn chưa thanh toán dù bà L đã trực tiếp yêu cầu nhiều lần. Vì vậy, bà L mới khởi kiện bà H để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L cung cấp bản chính 02 Giấy mượn tiền lập ngày ngày 08/8/2024 và ngày 12/10/2024 đứng tên người mượn là bà Vương Thị H. Trong khi đó, bị đơn bà Vương Thị H không đến Toà án tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến.

[4] Xét thấy giao dịch dân sự giữa các đương sự là Hợp đồng vay tài sản không có lãi suất, không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia giao dịch dân sự đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự. Do bà Vương Thị H không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thoả thuận nên bà Phạm Thị L khởi kiện là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Vương Thị H trả tổng số tiền gốc vay 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả. Xét thấy yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về án phí: Bà Vương Thị H phải chịu 13.500.000đ (270.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Vương Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Vương Thị H phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Vương Thị H phải chịu 13.500.000đ *(mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.750.000đ *(sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005565 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2026). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADSKV4 - Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn